TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG CHÀ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HS-ST
Ngày 01/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Thiện.

2. Ông Vũ Văn Hữu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Phượng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2019/HSST ngày 02 tháng 7 năm 2019. Theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đ V T** (tên gọi khác: Đ V C) - Sinh năm: 1982.

Nơi sinh: Thị xã M L, tỉnh Đ B.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản B, p N L, thị xã M L, tỉnh Đ B.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12.

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Đ V P -Sinh năm: 1962 và bà: C T Đ - Sinh năm: 1962.

Vợ: M T H - Sinh năm: 1983 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm: 2002 con nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền sự; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 04/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện N P xử phạt 36 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy hiện bị cáo đã được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2019 sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 31/3/2019 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

1. Chị L T H - Sinh năm: 1982 - Có mặt.

2. G T N - Năm: 1986 - Có mặt.

3. Anh L V T - Sinh năm: 1986 - Có mặt.

Cùng trú tại: Bản M, xã M T, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Đ T H T - sinh ngày 06/11/2002, người giám hộ cho cháuTrang là chị M T H mẹ đẻ của cháu - Có mặt.

2. Ông L V C - Sinh năm: 1966 - Vắn mặt không có lý do.

3. Chị M T H - Sinh năm: 1983 - Có mặt.

4. Anh Đ V Y - Sinh năm: 1988 - Vắng mặt không có lý do.

Cùng trú tại: Bản B, p N L, thị xã M L, tỉnh Đ B.

5. Anh M V L - Sinh năm: 1991 - Có mặt.

Trú tại: Bản Tạo Sen, xã L N, thị xã M L, tỉnh Đ B.

6. Anh L V T - Sinh năm: 1975 - Vắng mặt không có lý do.

Trú tai: Bản H, p N L, thị xã M L, tỉnh Đ B.

7. Ông L V T - Sinh năm: 1950 - Vắng mặt không có lý do.

Trú tại: Bản M, xã M T, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

* Những người làm chứng:

1. Bà L T P - Sinh năm: 1958 - Vắng mặt không có lý do.

Trú tại: Bản P B, xã M T, huyện MC, tỉnh ĐB.

2. Bà S T N - Sinh năm: 1968 - Vắng mặt không có lý do.

Trú tại: Bản B, p N L, thị xã M L, tỉnh Đ B.

3. Bà K T B - Sinh năm: 1959 - Có mặt.

Trú tại: Bản M, xã M T, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đ V T là đối tượng nghiện ma túy, để có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng, trong thời gian từ ngày 15/01/2019 đến ngày 20/3/2019 Thánh đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 15/01/2019, Thánh điều khiển xe máy BKS 27H-1329 của ông L V C đi báo tang giúp gia đình ông Chiến. Khi đi đến khu vực bản Mới, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên , khi thấy nhà ông Lò Văn Tình không có ai ở nhà nên Thánh đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Thánh dựng xe máy ngoài đường và đi vào nhà ông Tình , Thánh thấy một chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung J2 trị giá 800.000 đồng để ở giường nên Thánh đã lấy bỏ vào túi quần, sau đó Thánh mở tủ và lấy 500.000 đồng cùng bốn chiếc vòng đeo tay bằng bạc trị giá 700.000 đồng là tài sản của Lò Thị Hà. Sau đó, Thánh cho toàn bộ số tà i sản vừa trộm cắp được vào túi quần và đi ra ngoài. Trên đường đi từ nhà ông Tình ra chỗ dựng xe máy, Thánh phát hiện nhà ông Lò Văn Thánh không có ai ở nhà nên Thánh tiếp tục chui qua rào vào nhà ông Thánh và lấy trộm một chiếc cưa máy (không có xích, không có lưỡi) trị giá 1.300.000 đồng để ở tủ gỗ. Sau khi trộm cắp được các tài sản trên, Thánh đã mang bốn chiếc vòng bạc đi bán ở một cửa hàng ở chợ cơ khí Thị

xã Mường Lay được 150.000 đồng; bán chiếc điện thoại cho L V T trú tại bản H, p N L, thị xã Mường Lay với giá 500.000 đồng; bán chiếc cưa máy cho Đ V Y, trú tại bản B, p N L, thị xã Mường Lay với giá 2.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 20/3/2019, Thánh đến nhà M V L, ở bản Tạo Sen, xã L N, thị xã Mường Lay đổi xe máy để về đưa vợ đi làm lý. Sau khi đổi được xe máy BKS 27X1-025.25 của Linh, Thánh điều khiển xe máy đi về, trên đường đi đến bản Mới, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà khi qua nhà chị G T N, thấy không có ai ở nhà, Thánh dựng xe ngoài đường rồi trèo qua cổng vào nhà. Thánh thấy các cửa đều khóa, nhưng thấy có cửa nhôm ở bếp nên Thánh đã giật cửa bung ra. Thánh vào trong nhà đi lại phòng ngủ, thấy 2 ngăn trên của tủ nhựa đựng quần áo khóa, Thánh giật hai ngăn tủ ra thấy ngăn tủ cạnh giường có một túi bóng nilon màu trắng bên trong có 12 chiếc vòng bằng bạc đeo tay trị giá 2.100.000 đồng; 03 chiếc hộp màu đỏ bên trong có 01 sợi dây chuyền và 01 chiếc nhẫn mặt vuông bằng vàng 9999 trọng lượng 2,5 chỉ trị giá 9.175.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng tây10K có đính đá trị giá 1.394.550 đồng. Sau khi lấy được tài sản Thánh bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài, khi Thánh ra ngoài cửa thì thấy vợ chồng ông Lò Văn Cởi, Thánh sợ nên đứng chờ cho vợ chồng ông Cởi đi qua rồi Thánh trèo cổng đi ra ngoài thấy ông Giàng Văn Lưu là hàng xóm của chị Nguyện đi lại chỗ Thánh, Thánh sợ đã lên xe bỏ chạy. Ngày 21/3/2019, Thánh mang toàn bộ số tài sản lấy được của nhà chị Nguyện lên chợ Pá So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu vào một cửa hàng kinh doanh vàng bạc bán 01 chiếc dây chuyền và 01 chiếc nhẫn mặt hình vuông bằng vàng 9999 cân được 2,5 chỉ bán được số tiền 7.625.000 đồng. Số tiền trên Thánh cho con gái Đ T H T 1.000.000 đồng, Thánh chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng hết 2.099.000 đồng. Khi bị bắt giữ Thánh đã nộp lại cho cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Chà 4.526.000 đồng, 12 vòng tay bằng bạc, một nhẫn vàng tây; cháu Trang đã giao nộp 1.000.000 đồng, M T H (vợ Thánh) đã mang trả lại cho ông L V T chiếc cưa máy.

Lời khai của bị cáo Đ V T phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cùng vật chứng thu giữ.

Tại biên bản niêm phong và xác định khối lượng, chất lượng vàng, bạc của Công an huyện Mường Chà xác định 12 chiếc vòng đeo tay kim loại màu bạc có khối lượng là: 175.329g đều là bạc thật. Chiếc nhẫn kim loại màu vàng có đính đá được xác định là vàng tây loại 10k, có trọng lượng 2,066 gam, quy đổi ra đơn vị chỉ: 2,066 x 0,375 = 0,77475 chỉ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 04/KLĐG ngày 26/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 sợi dây chuyền và chiếc nhẫn vàng 9999 trọng lượng 2,5 chỉ trị giá 9.175.000 đồng, một chiếc nhẫn vàng tây trị giá 1.394.550 đồng, 12 vòng đeo tay bằng bạc trị giá 2.100.000 đồng; Tổng giá trị của tài sản trên là 12.669.550 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 10/KLĐG ngày 05/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 04 chiếc vòng bạc trị giá 700.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động Samsung J2 trị giá 800.000 đồng; một chiếc cưa máy trị giá 1.300.000 đồng. Tổng giá trị của tài sản trên là 2.800.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKS - MC ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên truy tố Đ V T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Thánh về cả tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đ V T từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trách nhiệm dân sự:

Bị hại L T Hkhai báo số tài sản của chị bị Đ V T chiếm đoạt gồm một chiếc điện thoại, bốn chiếc vòng bạc và 2.600.000 đồng.

Bị hại G T N khai báo số tài sản của chị bị Đ V T chiếm đoạt gồm một dây chuyền, ba nhẫn vàng 9999, một nhẫn vàng tây và 12 chiếc vòng bạc. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra chỉ có cơ sở chứng minh và làm rõ Đ V T chiếm đoạt của chị L T Hmột chiếc điện thoại, bốn chiếc vòng bạc và số tiền 500.000 đồng; chiếm đoạt của chị Nguyện một dây chuyền, 01 nhẫn vàng 9999, một nhẫn vàng tây và 12 chiếc vòng bạc. Trong quá trình điều tra Công an đã trả cho người bị hại chị L T Hchiếc điện thoại. Trả lại cho chị Nguyện 12 chiếc vòng bạc, 01 chiếc nhẫn vàng tây; 01 chiếc túi nhỏ bằng vải để đựng vòng, nhẫn và số tiền 5.526.000 đồng. Các bị hại Lò Thị Hà, G T N yêu cầu Đ V T bồi thường thiệt hại tương ứng với tài sản đã chiếm đoạt chưa được trả lại; L V T đã nhận được tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm gì.

Đối với Đ V Y, L V T là những người đã mua lại tài sản mà Đ V T phạm tội mà có. Tuy nhiên, do Yên và Thấn không biết đó là tài sản mà Đ V T phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm đối với Yên và Thấn.

Đối với Đ T H T con gái của Thánh, đã được Thánh cho 1.000.000 đồng để mua điện thoại. Do Trang không biết đây là tiền Thánh bán tài sản đã trộm cắp mà có. Trong quá trình điều tra Trang đã giao nộp 1.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra nên không có căn cứ để xử lý đối với Trang.

Đối với các cửa hàng kinh doanh vàng bạc mà Thánh đã bán tài sản sau khi trộm cắp được do Thánh không biết tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Đối với ông L V C và M V L giao xe máy cho Thánh điều khiển, Thánh đã dùng xe máy trong quá trình thực hiện hành vi vi phạm của mình. Ông Chiến và Linh không biết Thánh dùng xe trong quá trình phạm tội nên không đặt vấn đề xử lý ông Chiến, Linh và 02 chiếc xe máy.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đ V T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố: Từ ngày 15/01/2019 đến ngày 20/3/2019, Đ V T đã hai lần lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác tổng trị giá 15.969.550 đồng. Cụ thể: Lần 1 ngày 15/01/2019 tại bản Mới, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, Thánh đã chiếm đoạt của L T Hsố tiền 500.000 đồng, 04 chiếc vòng bạc trị giá 700.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động Samsung J2 trị giá 800.000 đồng; chiếm đoạt của ông L V T một chiếc cưa máy trị giá 1.300.000 đồng; Tổng trị giá tài sản Thánh chiếm đoạt lần 1 là 3.300.000 đồng. Lần 2 ngày 20/3/2019, tại bản M, xã M T, huyện MC, Thánh đã chiếm đoạt của chị G T N 01 sợi dây chuyền và chiếc nhẫn vàng 9999 trọng lượng 2,5 chỉ trị giá 9.175.000 đồng, một chiếc nhẫn vàng tây trị giá 1.394.550 đồng, 12 vòng đeo tay trị giá 2.100.000 đồng; Tổng trị giá tài sản Thánh chiếm đoạt lần 2 là 12.669.550 đồng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội *Trộm cắp tài sản* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai theo tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan sai.

Tại khoản 1 Điều 173 BLHS quy định: "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*".

[2] Xét về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cho thấy:

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Thánh diễn ra tuy giản đơn, ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo luôn nhận thức được điều đó là vi phạm pháp luật nếu bị phát hiện thì sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Song, bị cáo vẫn bất chấp tất cả, coi thường kỷ cương phép nước, miễn sao có lợi cho cá nhân bị cáo. Hành vi của bị cáo thể hiện sự ngang nhiên coi thường pháp luật bởi chỉ trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã 2 lần lợi dụng việc các bị hại vắng nhà, bị can đã nhiều lần lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản để mang đi bán. Hành vi của bị cáo đã gây sự bất bình cao độ trong nhân dân, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân trong việc quản lý tài sản của mình. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách bất hợp pháp được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự trị an trên địa bàn huyện. Do vậy hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm mục đích răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp và là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[3] Xét về nhân thân; tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét thấy bị cáo Đ V T xuất thân từ gia đình nông dân, được bố mẹ nuôi dưỡng, đi học hết lớp 9/12 sau đó nghỉ học ở nhà tham gia lao động sản xuất cùng gia đình ở địa phương. Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện N P xử phạt 36 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, đến ngày 20/9/2016 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương, hiện bị cáo đã được xóa án tích. Sau khi mãn hạn tù trở về địa phương lẽ ra bị cáo phải biết tu trí làm ăn cùng vợ con lao động sản xuất phát triển kinh tế gia đình làm người cha mẫu mực để con cái noi theo, nhưng bị cáo không làm được như vậy. Do sự ích kỷ của bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác, để đến ngày hôm nay một lần nữa chịu sự trừng phạt của pháp luật là lẽ đương nhiên, bị cáo có ân hận thì cũng đã muộn. Đây cũng là bài học cảnh tỉnh chung cho tất cả mọi người phải biết tôn trọng pháp luật, sống theo chuẩn mực đạo đức của xã hội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bố bị cáo được UBND tỉnh nhiều lần tặng bằng khen, bác ruột của bị cáo là liệt sỹ, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên bị cáo đã nhiều lần trộm cắp tài sản do đó cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Trách nhiệm dân sự: Bị hại L T Hkhai báo số tài sản của chị bị Đ V T chiếm đoạt gồm một chiếc điện thoại, bốn chiếc vòng bạc và 2.600.000 đồng.

Bị hại G T N khai báo số tài sản của chị bị Đ V T chiếm đoạt gồm một dây chuyền, ba chiếc nhẫn vàng 9999, một nhẫn vàng tây và 12 chiếc vòng bạc. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra chị Hà và chị Nguyện không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, chỉ có cơ sở chứng minh và làm rõ Đ V T chiếm đoạt của chị L T Hmột chiếc điện thoại, bốn chiếc vòng bạc và số tiền 500.000 đồng; chiếm đoạt của chị Nguyện một dây chuyền, 01 nhẫn vàng 9999, một nhẫn vàng tây và 12 chiếc vòng bạc. Trong quá trình điều tra Công an đã trả cho người bị hại chị L T Hchiếc điện thoại. Trả cho chị Nguyện 12 chiếc vòng bạc, 01 chiếc nhẫn vàng tây; 01 chiếc túi nhỏ bằng vải để đựng vòng, nhẫn và số tiền 5.526.000 đồng. Chị L T Hyêu cầu bị cáo bồi thường số 1.200.000 đồng. Chị G T N yêu cầu bị cáo bồi thường 3.649.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Hà và chị Nguyện. Vậy ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị cáo và những người bị hại. Anh L V T đã nhận được tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm gì. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Đ V Y, L V T là những người đã mua lại tài sản mà Đ V T phạm tội mà có. Yên và Thấn đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm đối với Yên và Thấn là phù hợp.

Đối với Đ T H T đã được bị cáo cho 1.000.000 đồng để mua điện thoại. Trang không biết tiền bán tài sản trộm cắp mà có. Trong quá trình điều tra Trang đã giao

nộp 1.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra nên không có căn cứ để xử lý đối với Trang là phù hợp.

Đối với các cửa hàng kinh doanh vàng bạc mà bị cáo đã bán tài sản sau khi trộm cắp được do bị cáo không biết tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xác minh làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét

Đối với ông L V C và anh M V L giao xe máy cho bị cáo, ông Chiến và anh Linh không biết bị cáo dùng xe vào việc phạm tội nên không đặt vấn đề xử lý ông Chiến, Linh và 02 chiếc xe máy là đúng quy định pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy qua biên bản xác minh của Công an, gia đình bị cáo không có tài sản gì đáng giá nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Xét về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Chà và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, Điều tra viên, Kiểm sát viên, từ khi khởi tố vụ án, quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đảm bảo về hình thức, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đ V T (Đ V C) phạm tội: "*Trộm cắp tài sản".*

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đ V T 02 năm tù. Thời hạn từ tính từ ngày bị tạm giữ ngày 22/3/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Đ V T và chị L T Hvà chị G T N

Bị cáo Đ V T phải bồi thường 1.200.000 đồng cho chị L T H- Sinh năm: 1982. Trú tại bản M, xã M T, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Bị cáo Đ V T phải bồi thường 3.649.000 đồng cho chị G T N - Sinh năm: 1986. Trú tại bản M, xã M T, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thi hành án khoản tiền trên thì bị cáo còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi số tiền chậm trả theo lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội 14, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng phí HSST và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Áp dụng Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 01/8/2019. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo những gì liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo những gì liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện MC;
- Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- THA huyện MC;
- Bộ phận NVHS CA H MC;
- Phòng GĐKT TA tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CA tỉnh Điện Biên;
- Những người bị hại;
- Những NCQLNVLQ;
- UBND phường Na Lay thay cho thông báo;
- Lưu hồ sơ THA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh